TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn

2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 553/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Hữu Ng, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 43, Quốc lộ 1, thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Hữu Ng tiến đến hôn nhân vào năm 1977; ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/12/2006. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung; thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh nhiều

mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình. Ông bà đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông M yêu cầu được ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông M và bà Ng có 02 con chung tên Nguyễn M Nh, sinh năm 1979 và Nguyễn M Ng, sinh năm 1983. Hiện tại, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông M xác định vợ chồng không có nợ chung; về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại các Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ghi ý kiến của bị đơn bà Lê Thị Hữu Ng đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Tuy nhiên, bị đơn bà Ng cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với bà Ng. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Lê Thị Hữu Ng thường trú tại số 43, Quốc lộ 1, thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Lê Thị Hữu Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, trong quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng, ông M.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông M thấy rằng: Ông M và bà Ng xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1977, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/12/2006 nên hôn nhân giữa ông M và bà Ng là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do ông M và bà Ng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; bà Ng đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến, đưa ra giải pháp đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Ng cố tình vắng mặt, phần nào thể hiện bà Ng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Ng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông M và bà Ng có 02 người con chung tên Nguyễn M Nh, sinh năm 1979 và Nguyễn M Ng, sinh năm 1983. Hiện tại, ông Nhựt và bà Ngọc đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và ông M cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông M xác định vợ chồng không có nợ chung; về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về tranh chấp ly hôn đối với bà Lê Thị Hữu Ng.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Lê Thị Hữu Ng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Bến Lức;
-CCTHADS huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn Bến Lức;
-Các đương sự;
-Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Đình Đông